

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT ĐẮKLẮK
CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ
BẢO VỆ THỰC VẬT

Số: /BCT - BVTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH
SINH VẬT GÂY HẠI CÂY TRỒNG THÁNG 12
(Từ ngày 16 tháng 11 đến ngày 15 tháng 12 năm 2022)

Kính gửi : - Cục Bảo vệ thực vật
- Trung Tâm Bảo vệ thực vật Miền Trung

1. Thời tiết trong tỉnh:

- Nhiệt độ: Thấp nhất: - Nhiệt độ: Trung bình: 22-24⁰C; Thấp nhất: 18-20⁰C;
Cao nhất: 24-26⁰C.

- Nhận xét khác: Thời tiết phổ biến mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng gián đoạn, chiều tối có mưa rào rải rác. Gió Đông bắc cấp 2-3.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

2.1. Kế hoạch và tiến độ sản xuất vụ Hè thu 2022

Cây trồng hàng năm	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Lúa nước	Làm đất, gieo sạ sớm	1.140 / 40.000
Ngô	Làm đất	310 / 3.160
Khoai lang	Làm đất	2.420
Rau các loại	Các giai đoạn	150 / 4.100
Đậu các loại	Làm đất	1.180
Sắn	Làm đất	1.800
Mía	Làm đất	1.000
Thuốc lá	Làm đất	800
Cây hàng năm khác	Các giai đoạn	3.100
Cây trồng lâu năm		
Cây cà phê	Quả chín- thu hoạch RR	213.336
Cây tiêu	Quả non	32.840
Cây cao su	Các giai đoạn sinh trưởng	34.333
Cây điều	Quả chín - thu hoạch chăm sóc	27.702
Ca cao	Các giai đoạn sinh trưởng	1.140
Cây ăn quả các loại	Các giai đoạn sinh trưởng	42.957
Cây trồng khác	Các giai đoạn sinh trưởng	2.141

II. TÌNH HÌNH SÂU BỆNH THÁNG 12 NĂM 2022:

* Nhóm cây ăn quả:

1. Trên cây sầu riêng: Rầy bông (rầy phấn, tua trắng) TLH 2-25%, DTN 59 ha (Ea Kar, Krông Búk, Krông Pắc, TX. Buôn Hồ); Rầy nháy TLH 5-17% DTN 04ha (Krông Năng). Bệnh thối gốc TLH 3-15% DTN 04ha (Krông Pắc). Bệnh đốm rong (tảo) TLH 4-25% DTN 23 ha (Krông Pắc, TX Buôn Hồ, EaKar); Bệnh thán thư TLH 3-7% DTN 04 ha (Tx. Buôn Hồ); Bệnh chảy gôm TLH 2-5% DTN 05ha (Tx. Buôn Hồ, Krông Năng). Một đục cành, bệnh héo chết nhanh do nấm *Phytophthora*,....gây hại rải rác.

2. Trên cây vải: Nhện lông nhung TLH 8-15% DTN 08ha (Eakar). Một số sâu bệnh khác gây hại rải rác không đáng kể.

3. Trên cây Bơ: Sâu ăn lá TLH 10-20% DTN 04 ha (Ea Kar); Một số sâu bệnh khác gây hại rải rác.

4. Trên cây chanh leo: Bệnh đốm nâu TLH 4-12% DTN 6ha (EaKar, Tx. Buôn Hồ). Ruồi đục quả TLH 3-8% DTN 6ha (TX Buôn Hồ, EaKar). Bệnh sương mai TLH 8-18% DTN 04ha (EaKar). Bệnh héo rũ TLH 8-10% DTN 1,5ha (EaKar).

* Nhóm cây CN lâu năm:

5. Trên cây ca cao: Bệnh nấm hồng TLH 15-30% DTN 11 ha (Ea Kar); Rệp muội TLH 10-25% DTN 07 ha (Ea Kar); Bệnh khô thân TLH 15-25% DTN 04 ha (Ea Kar); Một số sâu bệnh khác gây hại rải rác.

6. Trên cây cà phê: Bệnh khô cành TLH 1-30% DTN 46,5ha (Krông Búk, Krông Pắc, Ea Kar, TX Buôn Hồ, Cư Kuin, Krông Năng); Bệnh nấm hồng TLH 2-15% DTN 27ha (Tx. Buôn Hồ, Krông Búk); Rệp sáp TLH 2-10% DTN 26,5 ha (Krông Búk, TX Buôn Hồ); Bệnh gỉ sắt TLH 2-35% DTN 21,5 ha (Krông Búk, Ea Kar, TX Buôn Hồ; Cư Kuin); Rệp vảy (xanh, nâu) TLH 5-20% DTN 12,5 ha (Tx. Buôn Hồ, Krông Pắc); Rụng quả cà phê TLH 1-7% DTN 7ha (Cư Kuin, TX. Buôn Hồ); Bệnh đốm mắt cua TLH 8-30% DTN 06 ha (Krông Pắc); Các loại sâu, bệnh hại khác gây hại không đáng kể.

7. Trên cây điều: Bệnh thán thư TLH 5-30%, DTN 16 ha (Krông Búk, Ea Kar); Sâu đục thân, cành TLH 8-20% DTN 10ha (EaKar). Bọ xít muỗi TLH 4-8%, DTN 13 ha (Krông Búk). Một số sâu bệnh khác gây hại rải rác không đáng kể.

8. Trên cây hồ tiêu: Bệnh vàng lá chết chậm TLH 2-25%, DTN 32,8 ha (Buôn Đôn, Cư M'gar, TX Buôn Hồ, Ea Kar, Krông Pắc, Krông Búk) giảm 111,7ha so với kỳ trước; Bệnh chết nhanh TLH 1-20%, DTN 12,5 ha (Cư Kuin, Buôn Đôn, Tx. Buôn Hồ, Krông Pắc, Ea Kar, Krông Năng) giảm 25,3 so với kỳ trước; Bệnh đốm tảo TLH 4-10%, DTN 11 ha (Krông Pắc, Krông Búk, Krông Năng, TX Buôn Hồ); Bệnh nấm hồng TLH 10-35 DTN 13ha (EaKar); Tuyến trùng TLH 5-15%, DTN 7ha (TX Buôn Hồ); Bọ xít lười TLH 4-15% DTN 23ha (Ea Kar, Krông Năng, Krông Búk, Krông Pắc); Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

* Nhóm cây CN ngắn ngày:

9. Trên cây sắn (mì): Khảm lá do virus gây hại TLH 5-90%, DTN 64 ha (Ea Súp, EaKar); Bọ phần TLH 7-20% DTN 08ha (EaKar); Bệnh lở cổ rễ TLH 10-20% DTN 07 ha (Ea Kar) và Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

10. Trên cây mía: Sâu đục thân TLH 8-25% DTN 8 ha (Ea Kar) giảm 01ha so với kỳ trước; Bệnh thối đỏ thân TLH 10-25% DTN 07ha (EaKar). Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

*** Nhóm cây lương thực:**

12. Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu TLH 3-25% DTN 8ha (Krông Buk); Đóm lá lớn TLH 4-25% DTN 9,5ha (TX. Buôn Hồ, EaKar). Các loại sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

13. Trên cây lúa:

Chuột hại TLH 3-6% DTN 04ha (EaKar); Sâu cuốn lá nhỏ TLH 5-50% DTN 3ha (Ea Súp); Ốc bươu vàng TLH 1-35% DTN 11 ha (Ea Kar, Krông Pắc) và Các loại sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

*** Nhóm cây rau màu:**

14. Hành tỏi: Dòi đục lá TLH 8-20% DTN 0,9 ha (EaKar); Bệnh thối gốc mốc trắng TLH 7-15% DTN 0,7ha (EaKar); và Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

13. Cà chua: Bệnh héo xanh TLH 8-18% DTN 0.9 ha (Ea Kar); Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

14. Rau thập tự: Sâu xám TLH 8-22% DTN 1,1 ha (EaKar). Sâu tơ TLH 10-30% DTN 1,1ha (EaKar). Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SÂU BỆNH THÁNG 01 NĂM 2023:

1. Trên cây lúa: Trên lúa Đông xuân bọ trĩ, ốc bươu vàng, chuột, sâu cuốn lá nhỏ... gây hại rải rác.

2. Trên cây cà phê: Rệp sáp hại cành, rệp vảy nâu, vảy xanh. Bệnh gỉ sắt, bệnh khô cành, khô quả gây hại rải rác trên cây cà phê giai đoạn quả xanh – chín bói.

3. Trên cây tiêu: Bệnh chết nhanh, chết chậm, tuyến trùng rễ, rệp sáp gốc, cành...gây hại giai đoạn ra hoa- nuôi quả.

4. Trên rau các loại: Sâu tơ, sâu xanh, bọ nhày, bệnh thối nhũn, lở cổ rễ....gây hại nhiều giai đoạn trên cây rau màu. Ruồi đục quả, bệnh mốc sương, đóm lá chủ yếu trên cây cà chua và họ bầu bí.

5. Trên ngô, đậu vụ Thu đông: Sâu keo mùa Thu, bệnh đóm lá, bệnh khô vằn... gây hại trên ngô. Sâu ăn lá, sâu xanh, sâu khoang, bệnh rỉ sắt, bệnh lở cổ rễ, thối rễ, sâu đục thân, gây hại rải rác.

6. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus tiếp tục gây hại, bọ phần, rệp sáp bột hồng, nhện đỏ gây hại cục bộ, bệnh chồi rồng, bệnh đóm lá, cháy lá vi khuẩn...gây hại rải rác trên cây sắn giai đoạn phát triển thân lá.

7. Trên cây điều: Bọ xít muỗi, bệnh thán thư tiếp tục phát sinh gây hại mạnh giai đoạn ra đọt non và gây hại nặng cục bộ những vườn chăm sóc kém.

8. Trên ca cao: Bọ xít muỗi, rệp sáp, sâu đục thân, bệnh thối quả, khô ngược cành, câu câu ăn lá, bọ gặm nhấm gây hại rải rác.

9. Trên cây mía: Sâu đục thân, sùng đục gốc, bệnh đốm lá, bệnh bạc trắng lá phát sinh chủ yếu giai đoạn mía đẻ nhánh - vươn lóng gây hại cục bộ những vùng ổ dịch.

10. Trên cây cao su: Bệnh xì mủ thân cành, bệnh loét sọc miệng cạo, bệnh nấm hồng phát sinh gây hại rải rác.

11. Cây sầu riềng, Bơ, Thắc long: Bệnh nứt thân xì mủ, bệnh héo chết nhanh do *Phytophthora* trên cây sầu riềng, bệnh đốm nâu thanh long,... phát sinh gây hại tăng do điều kiện thời tiết mưa nhiều và ẩm độ cao.

12. Cây nhãn, vải: Bệnh chổi rồng nhãn, bọ xít nâu, sâu đo, bệnh thán thư, bệnh sương mai hại tăng.

13. Cây ăn quả có múi: Sâu đục quả; bệnh chảy gôm, bệnh vàng lá thối rễ, bệnh Greening,... tiếp tục phát sinh và gây hại.

14. Cây rừng trồng: Sâu đục thân, mối, bệnh đốm lá, chết héo, thán thư và các đối tượng sâu, bệnh hại khác gây hại rải rác.

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ VÀ CÁC CÔNG VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG TRONG THÁNG TỚI:

Các trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp tục theo dõi chặt chẽ tình hình sinh vật gây hại và phối hợp với các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp huyện, UBND cấp xã tuyên truyền hướng dẫn phòng chống các đối tượng sinh vật gây hại chính trên lúa, rau màu, cây công nghiệp.

Bổ trí cán bộ điều tra, tổng hợp báo cáo các đối tượng SVGH trên cây ăn quả như cây sầu riềng, cây chuối, cây chanh dây, cây nhãn, vải, xây dựng tuyến điều tra, tại các vùng đã, đang được cấp mã vùng trồng tại địa phương...

*** Trên lúa:**

- Điều tra theo dõi, dự tính dự báo và hướng dẫn nông dân thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, phát hiện sâu đục thân, bệnh đạo ôn cổ bông, bệnh khô vằn,.....tiếp tục gây hại chủ yếu lúa giai đoạn chín ... có biện pháp xử lý kịp thời.

- Tiếp tục kiểm tra theo dõi diễn biến sâu, bệnh hại trên lúa Thu đông để có biện pháp chỉ đạo phòng trừ hiệu quả.

- Chuột: Gây hại cục bộ trên lúa Hè Thu giai đoạn đẻ nhánh - đòng trổ và Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

*** Cây ngô:** Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô. Tổ chức phun trừ cho những nơi có mật độ sâu cao, hướng dẫn nông dân chủ động phòng trừ sâu bằng các biện pháp ngắt ổ trứng đem tiêu hủy và phun các loại thuốc đúng nồng độ và liều lượng theo khuyến cáo, phun kép 2-3 lần, mỗi lần cách nhau từ 7-10 ngày.

*** Trên cà phê:** Tiếp tục công tác điều tra, phát hiện theo dõi sát diễn biến của rệp sáp hại cành và các đối tượng sâu, bệnh hại khác (rỉ sắt, nấm hồng, thối nứt thân,

tuyển trùng, một đục cành, một đục quả...). Khuyến cáo nông dân chỉ thu hái những quả chín bói, không hái cả phê khi còn xanh.

* **Trên cây tiêu:** Kiểm tra diễn biến bệnh chết nhanh, vàng lá chết chậm, tuyển trùng gây hại rễ và hướng dẫn người dân phòng trừ...

* **Trên cây sắn:** Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn, hướng dẫn xử lý triệt để phun trừ môi giới truyền bệnh, tiến hành nhổ bỏ và tiêu hủy những diện tích sắn bị nhiễm bệnh khảm lá sắn do virus, không sử dụng cây bị bệnh làm giống.

* **Trên cây sầu riêng:** Tăng cường hướng dẫn nông dân trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương áp dụng quy trình kỹ thuật trồng chăm sóc vườn cây, quy trình quản lý bệnh *Phytophthora* hại trên cây sầu riêng.

* **Trên ca cao, điều, cao su:** Tiếp tục theo dõi các đối tượng như bệnh nấm hồng, loét sọc miệng cao trên cây cao su, bọ xít muỗi, bệnh thán thư hại điều.

* **Đối với rừng trồng:** Hướng dẫn các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại cây rừng trồng cho các chủ rừng theo công văn hướng dẫn số 649/SNN-TTBVTV ngày 31/03/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành. Theo dõi, nắm bắt tình hình và chỉ đạo phòng trừ kịp thời bệnh chết cây keo ở các vùng trồng keo.

* **Trên cây rau:** Ứng dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM vào phòng trừ và sản xuất rau theo quy trình an toàn, chương trình VietGap, sản xuất rau hữu cơ.

* **Cây trồng khác:** Hướng dẫn nông dân phòng trừ sâu bệnh trên cây ăn trái như: Bệnh chổi rồng hại nhãn, chôm chôm, bệnh đốm nâu thanh long, sâu bệnh hại cam quýt, xoài... theo quy trình phòng trừ của Cục BVTV đã ban hành. Đồng thời triển khai, phổ biến Quy trình quản lý tổng hợp bệnh héo vàng lá chuối theo Công văn số 173/TTBVTV-BVTV ngày 15/3/2021 của Chi cục Trồng trọt và BVTV.

- Tiếp tục theo dõi, triển khai ứng dụng của công nghệ, thiết bị iMetos trong dự báo, cảnh báo thời tiết, sâu bệnh dịch bệnh nhằm hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- củng cố hệ thống bẫy đèn, phần mềm PPDMS để phục vụ cho công tác Dự tính dự báo nhằm khuyến cáo, cảnh báo sâu, bệnh ngay từ đầu vụ để kịp thời chỉ đạo bảo vệ tốt sản xuất vụ Đông Xuân 2022-2023./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo CC (b/c);
- Trạm TTBVTV các huyện, Tx, Tp (T/h);
- Trang Web (CC.TTBVTV);
- Lưu VT- P.BVTV (G-25b).

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Vũ Thị Thanh Bình

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH

Từ ngày 16 tháng 11 đến hết ngày 15 tháng 12 năm 2022

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	So kỳ trước	So CKNT	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng		(+/-)	(+/-)		
Nhóm cây: Cây ăn quả													
Bơ	Sâu ăn lá	PTTL	10	20	3	1	0	4	0	-2.0	4.0	3	Ea Kar
	Rầy bông	PHMH	15	25	2	1	0	3	0	-1.0	3.0	1	Ea Kar
Chanh leo	Ruồi đục quả	các giai đoạn-	3 - 4	6 - 8	4	2	0	6	0	0.0	6.0	0	TX Buôn Hồ
	Bệnh đốm nâu	các giai đoạn-	4 - 5	10 - 12	4	2	0	6	0	2.0	6.0	0	TX Buôn Hồ
	Bệnh sương mai	cac giai doan mai	8	18	2	2	0	4	0	4.0	4.0	2	Ea Kar
	Bệnh héo rũ	PTTL-	8 - 10	15	1	0.5	0	1.5	0	0.0	1.5	1	Ea Kar
Sầu riêng	Rầy bông (rầy phần, tua trắng)	chăm sóc-Ra đợt non-La non-la non-	2 - 10	4 - 25	53	6	0	59	0	3.0	31.0	52	Krông Búk, Krông Pắc, Ea Kar, TX Buôn Hồ
	Bệnh đốm rong (Tảo)	Các giai đoạn-kinh doanh-Chăm sóc-	4 - 15	10 - 25	17	6	0	23	0	5.0	8.0	10	Ea Kar, Krông Pắc, TX Buôn Hồ
	Bệnh chảy gôm	chăm sóc-	2 - 3	4 - 5	3	2	0	5	0	1.0	3.0	0	TX Buôn Hồ
	Bệnh thối gốc	Các giai đoạn-	3	8 - 15	2	2	0	4	0	0.0	4.0	3	Krông Pắc
	Bệnh thán thư	chăm sóc-	3	7	3	1	0	4	0	0.0	-4.0	0	TX Buôn Hồ
	Rầy nhảy	Sau thu hoạch	5 - 8	17	4	0	0	4	0	4.0	4.0	0	Krông Năng
Vải	Nhện lông nhung	cac giai doan-la non-	8 - 10	15	4	4	0	8	0	8.0	8.0	6	Ea Kar
Nhóm cây: Cây CN lâu năm													
Ca cao	Bệnh nấm	KD	15	30	7	4	0	11	0	11.0	11.0	4	Ea Kar

	hồng												
	Rệp muội (rầy mềm)	la non-	10	20 - 25	5	2	0	7	0	1.0	-6.0	3	Ea Kar
	Bệnh khô thân	kinh doanh-	15 - 10	25	2	2	0	4	0	-1.0	4.0	2	Ea Kar
Cà phê	Bệnh khô cành	chăm sóc, chắc xanh, chín bói-chín, thu hoạch-Quả xanh-chín bói-KTCB,KD-chín bói-chín-các giai đoạn-xanh chín-kinh doanh-	1 - 15	4 - 30	38	8.5	0	46.5	0	9.0	8.7	28	Krông Búk, Ea Kar, Krông Pắc, TX Buôn Hồ, Cư Kuin
	Bệnh nấm hồng	chăm sóc, chắc xanh, chín bói-chín, thu hoạch-thu hoạch; KTCB-chín thu hoạch-	2 - 7	8 - 15	25	2	0	27	0	2.0	1.0	17	Krông Búk, TX Buôn Hồ, Cư Kuin, Krông Năng
	Rệp sáp	chăm sóc, chắc xanh, chín bói-chín, thu hoạch-chín, thu hoạch-	2 - 4	4 - 10	24.5	2	0	26.5	0	-1.5	-2.5	19	Krông Búk, TX Buôn Hồ
	Bệnh gỉ sắt	chăm sóc, chắc xanh, chín bói-chín, thu hoạch-Kinh doanh-PTTL-chín thu hoạch-	2 - 15	6 - 35	16.5	5	0	21.5	0	-0.5	-23.0	11	Krông Búk, Ea Kar, TX Buôn Hồ, Cư Kuin
	Rệp vảy (xanh, nâu)	chín, thu hoạch-Các giai đoạn-	5 - 6	8 - 20	8.5	4	0	12.5	0	-2.5	-14.0	4	TX Buôn Hồ, Krông Pắc
	Mọt đục quả	chín, thu hoạch-quả xanh-	2 - 10	3 - 20	8	2	0	10	0	0.0	9.0	3	TX Buôn Hồ, Ea Kar
	Rụng quả cà	chín, thu hoạch-	1 - 7	4	5	2	0	7	0	-1.0	2.0	0	TX Buôn Hồ, Cư Kuin

	phê	chín boi-xanh chín-											
	Bệnh đốm mắt cua	Quả xanh-chín bói-chín-	8 - 11	23 - 30	3	3	0	6	0	-2.0	-5.0	4	Krông Pắc
	Mọt đục cành	thu hoạch; KTCB	6 - 9	15	1	0	0	1	0	1.0	-13.0	0	Krông Năng
Cao su	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	5 - 7	15	1.5	0	0	1.5	0	1.5	-4.5	0	Krông Năng
Điều	Bệnh thán thư	chăm sóc, phân hóa mầm hoa-	5	10	16	0	0	16	0	2.0	-14.0	13	Krông Búk
	Bọ xít muỗi	chăm sóc, phân hóa mầm hoa-chăm sóc-	4	8	13	0	0	13	0	1.0	-3.0	11	Krông Búk
	Sâu đục thân, cành	cac giai doan	8	20	5	5	0	10	0	10.0	-1.0	5	Ea Kar
	Bệnh khô cành	cac giai doan	8	25	7	3	0	10	0	10.0	10.0	3	Ea Kar
Hồ tiêu	Bệnh chết chậm	chăm sóc, trái non-quả non-các giai đoạn-kinh doanh-quả non-các giai đoạn sinh trưởng-quả xanh-	2 - 15	8 - 25	26.4	5.5	0.9	32.8	0	0.9	-111.7	11	Cư M'gar, Krông Búk, TX Buôn Hồ, Krông Pắc, Ea Kar, Cư Kuin
	Bọ xít lưới	chăm sóc, trái non-Trái non-	4	10 - 15	21	2	0	23	0	-1.0	-23.0	22	Krông Búk, Krông Pắc
	Bệnh nấm hồng	Kinh doanh-	10 - 15	25 - 35	7	6	0	13	0	0.0	13.0	7	Ea Kar
	Bệnh chết nhanh	quả non-Các giai đoạn-Các giai đoạn-quả non-quả xanh-	1 - 8	3 - 20	8.2	4	0	12.2	0	0.0	-25.3	2.7	TX Buôn Hồ, Cư Kuin, Krông Pắc, Ea Kar
	Bệnh đốm táo	chăm sóc, trái non-quả non-	4 - 5	8 - 10	9	2	0	11	0	-6.0	-21.0	4	Krông Búk, TX Buôn Hồ

	Tuyến trùng	quả non-quả xanh-	5 - 6	12 - 15	5	2	0	7	0	-2.0	-4.0	0	TX Buôn Hồ
Nhóm cây: Cây CN ngắn ngày													
Mía	Bệnh thối đỏ thân	vuon long-	10 - 15	25	6	2	0	8	0	0.0	8.0	4	Ea Kar
	Sâu đục thân	vuon long-	8 - 10	20 - 25	4	4	0	8	0	-1.0	8.0	5	Ea Kar
Sắn (Mì)	Khảm lá virus	PTTL-Phát triển thân lá-	5 - 40	35 - 90	53	3	8	64	0	0.0	-241.0	4	Ea Súp, Ea Kar
	Bọ phấn	PTTL-	7 - 8	20	6	2	0	8	0	0.0	1.0	2	Ea Kar
	Bệnh lở cổ rễ	PTTL	10	20	5	2	0	7	0	7.0	7.0	5	Ea Kar
Nhóm cây: Cây lương thực khác													
Ngô (Bắp)	Đốm lá nhỏ	PTTL-trở cờ, phun râu-	4 - 10	8 - 25	6.5	3	0	9.5	0	0.5	3.0	2	TX Buôn Hồ, Ea Kar
	Sâu keo mùa thu	trở cờ, trái non-trở cờ, trái non.già-trái non.già	3 - 6		8	0	0	8	0	-3.0	-4.0	8	Krông Búk
	Sâu đục bắp	chín sữa, chín sáp	3	5	4	2	0	6	0	6.0	6.0	0	TX Buôn Hồ
	Bệnh sọc lá	PTTL-	10 - 15	20 - 25	2	2	0	4	0	4.0	4.0	2	Ea Kar
	Rệp ngô	trở cờ, phun râu	2	4	2	1	0	3	0	3.0	3.0	0	TX Buôn Hồ
Nhóm cây: Lúa													
Lúa	Ốc bươu vàng	Ma-Cây con-ma,cay con	1 - 10	3 - 35	6	5	0	11	0	11.0	11.0	10	Ea Kar, Krông Pắc
	Chuột	ma,cay con	10	15	3	1	0	4	0	4.0	4.0	3	Ea Kar
	Sâu cuốn lá nhỏ	đẻ nhánh	5 - 7	30 - 50	1	2	0	3	0	3.0	3.0	0	Ea Súp
Nhóm cây: Rau màu													
Cà chua	Bệnh héo xanh	PTTL	8	18	0.7	0.2	0	0.9	0	0.9	0.9	0.9	Ea Kar
Hành tỏi	Dòi đục lá	PTTL-	8 - 10	15 - 20	0.6	0.3	0	0.9	0	0.1	-2.1	0.8	Ea Kar

	Bệnh cháy/thối lá	PTTL-	8	20 - 25	0.4	0.3	0	0.7	0	<i>0.7</i>	-2.5	0.5	Ea Kar
	Bệnh thối gốc mốc trắng	PTTL-	7 - 10	15	0.5	0.2	0	0.7	0	<i>-0.1</i>	<i>0.7</i>	0.2	Ea Kar
Ớt	Bệnh thối nhũn VK	Ra hoa-Ra hoa, qua xanh-	8 - 10	15 - 25	0.8	0.5	0	1.3	0	<i>-0.2</i>	<i>1.3</i>	0.6	Ea Kar
	Bệnh thán thư	qua xanh-	8 - 10	12 - 20	0.5	0.4	0	0.9	0	<i>-0.3</i>	<i>-1.1</i>	0.5	Ea Kar
Rau cải ăn lá	Sâu tơ	cay con-	10 - 15	25 - 30	0.7	0.4	0	1.1	0	<i>-1.5</i>	<i>-3.9</i>	0.8	Ea Kar
	Sâu xám	PTTL-	8 - 10	20 - 22	0.6	0.5	0	1.1	0	<i>-0.4</i>	<i>1.1</i>	0.5	Ea Kar